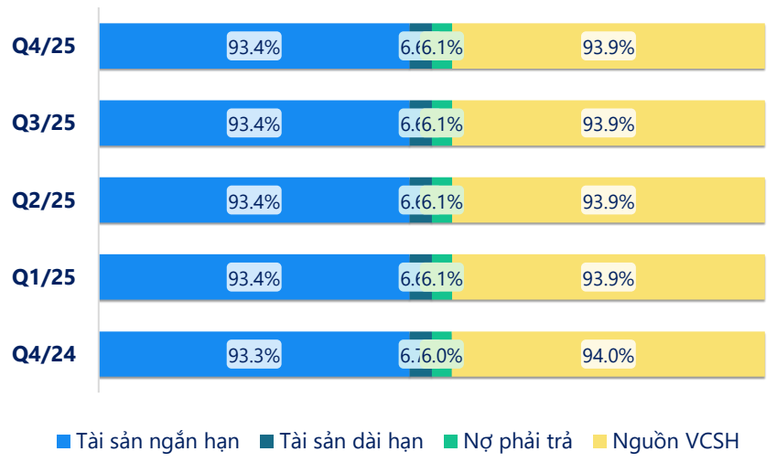
FireAnt

CTCP Tập đoàn MPT (UPCOM: MPT)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	500
SL cổ phiếu LH	17,107,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,460
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10
P/E	-14.2
EPS	-42

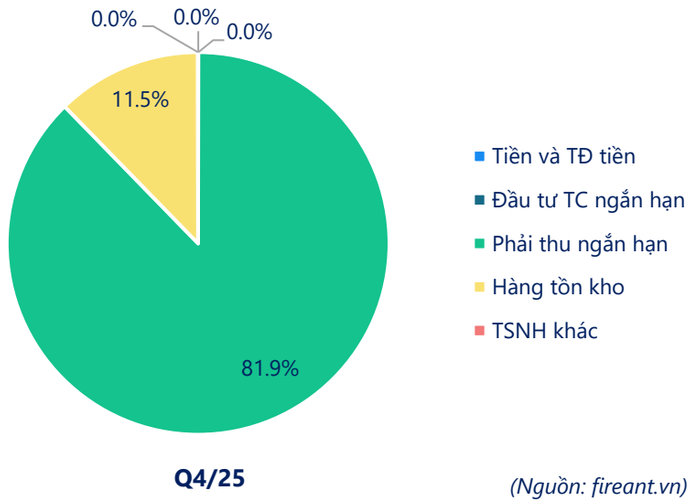
	YTD	1T	3T	6T
MPT	-14.3%	0.0%	0.0%	-14.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



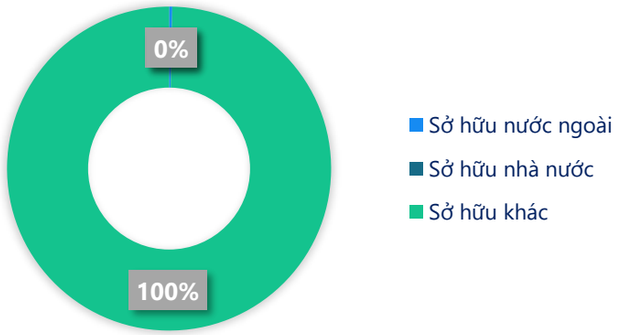
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



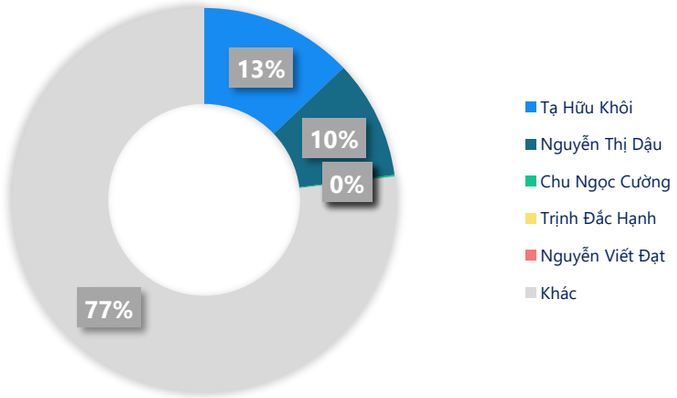
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



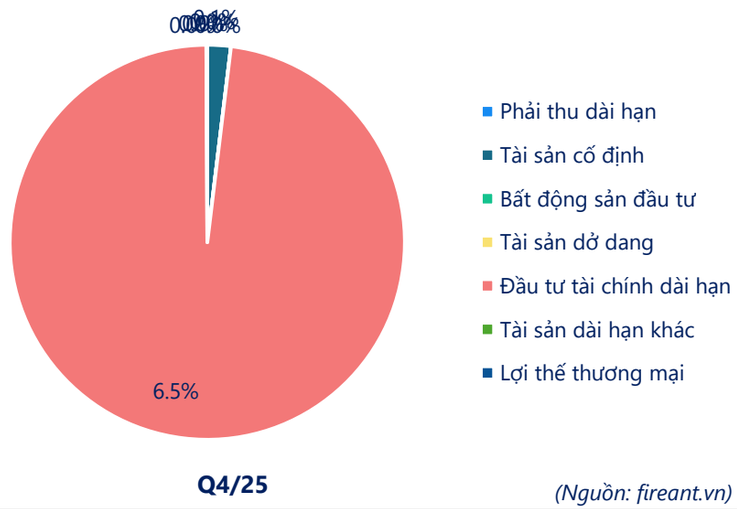
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

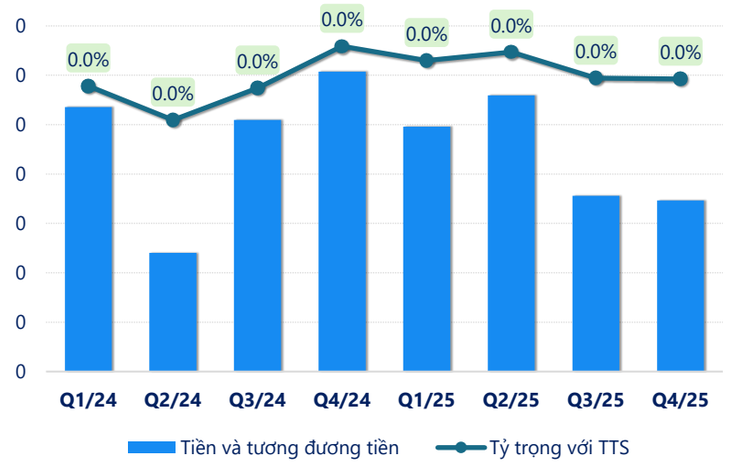


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

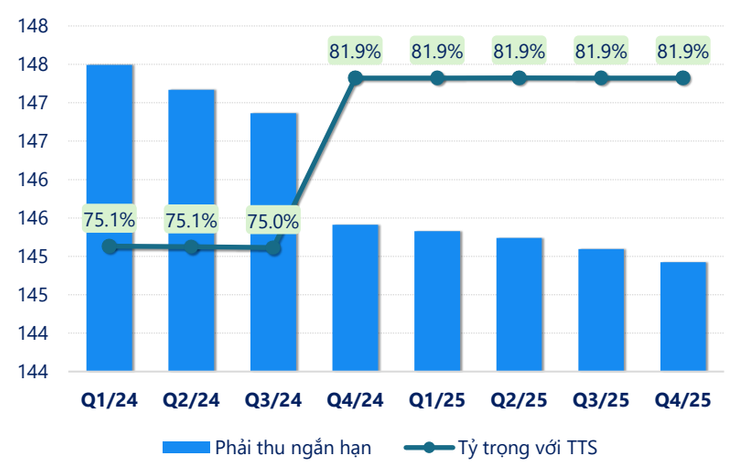
CTCP Tập đoàn MPT (UPCOM: MPT)

Tiền và tương đương tiền



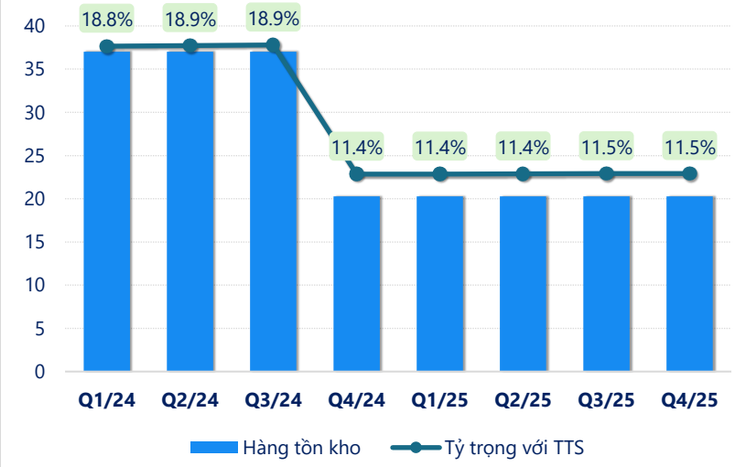
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



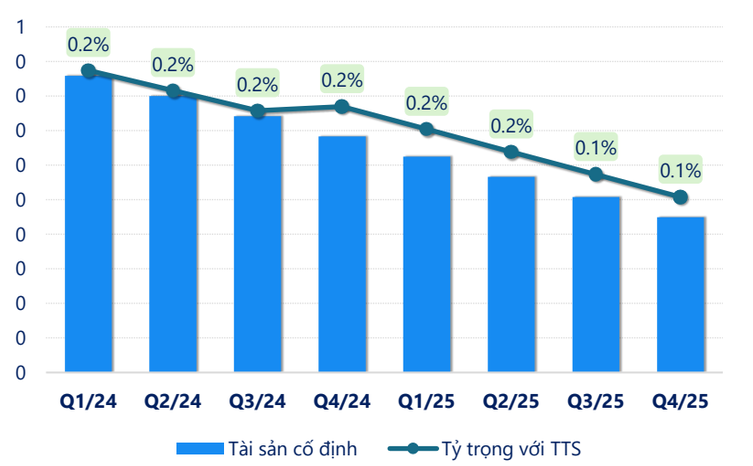
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



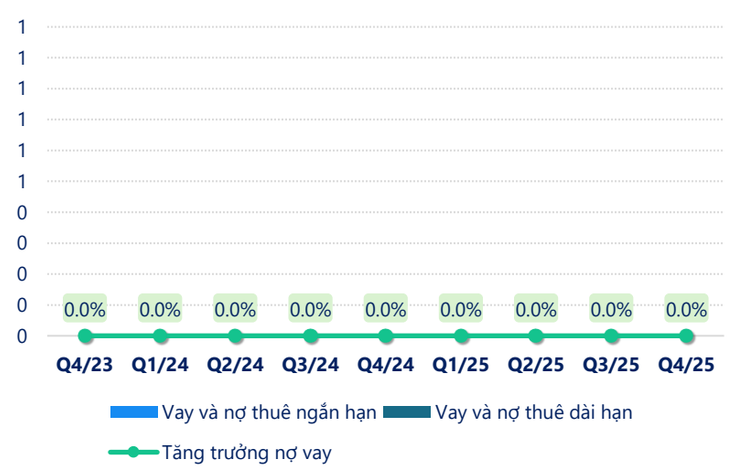
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



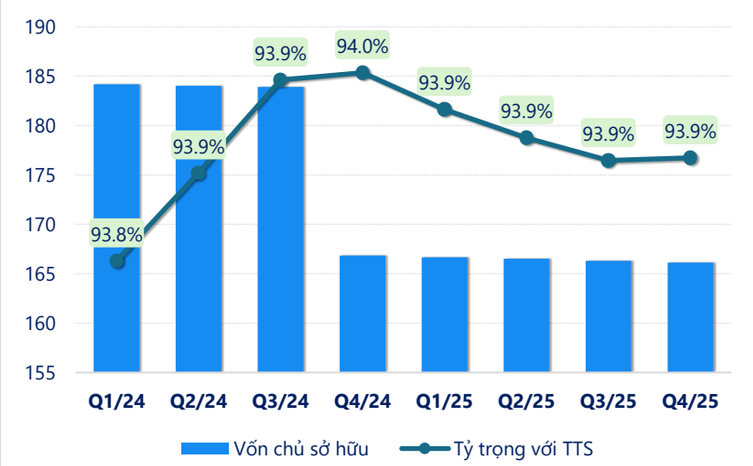
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

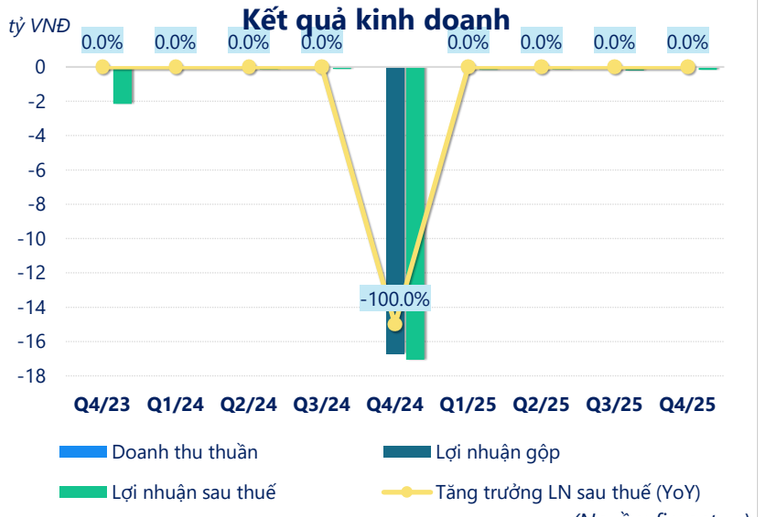
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

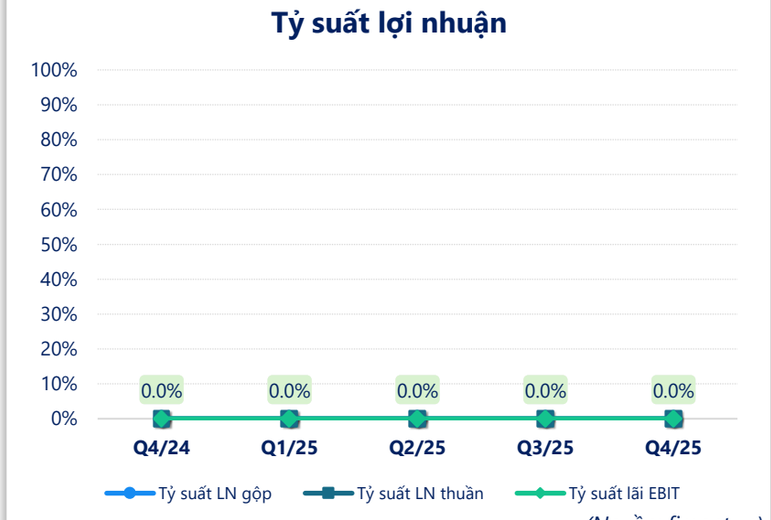
CTCP Tập đoàn MPT (UPCOM: MPT)

Kết quả kinh doanh



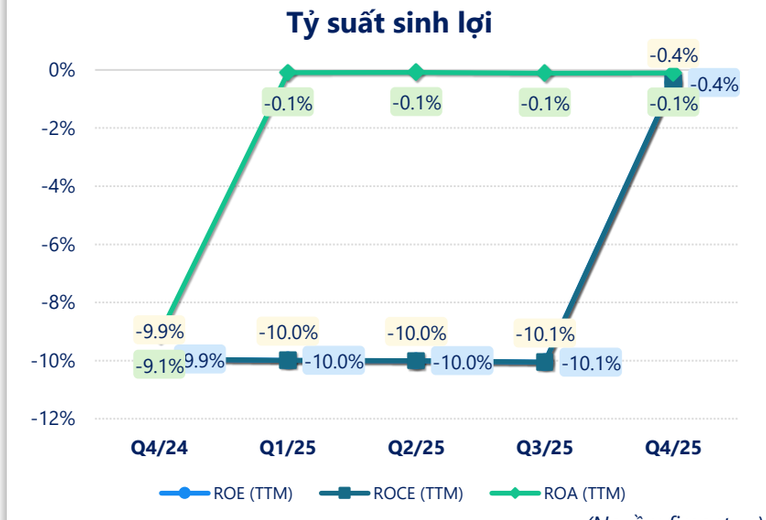
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



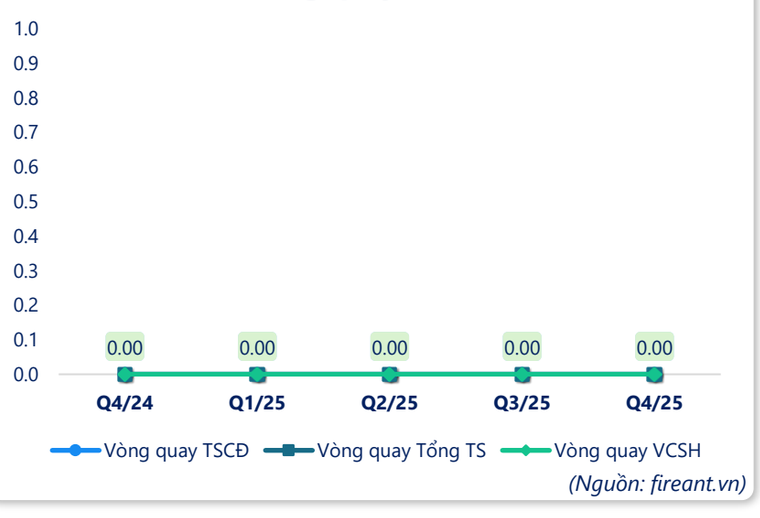
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



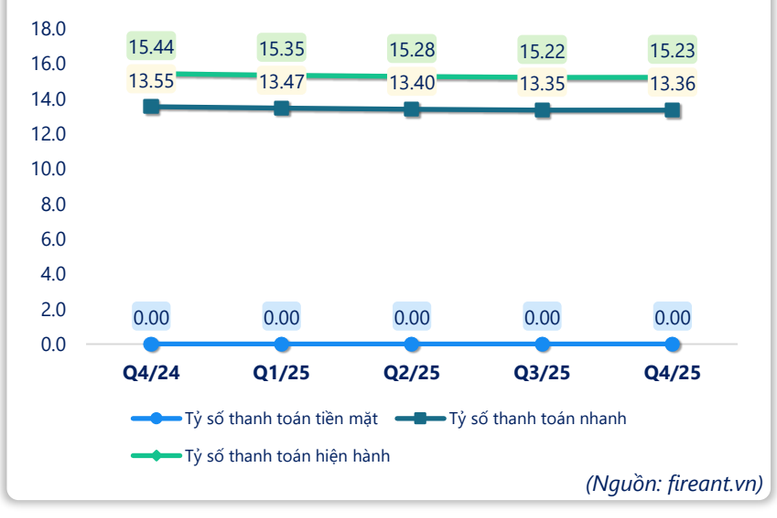
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



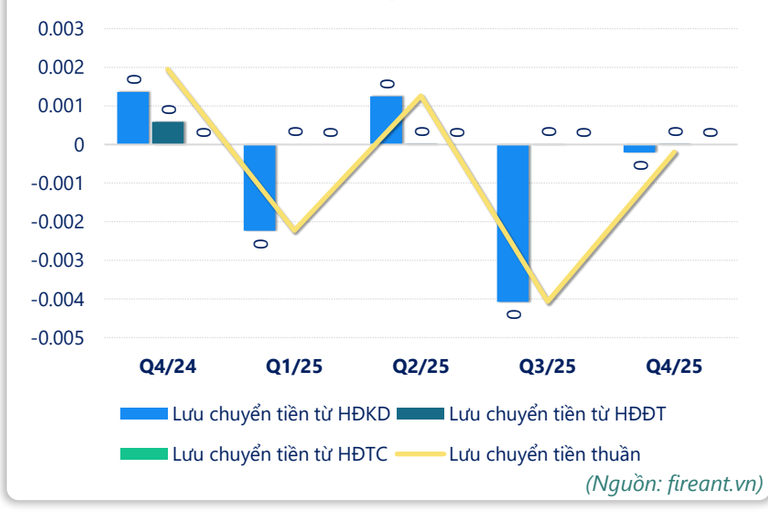
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn MPT (UPCOM: MPT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**177**	**178**	**-0.3%**
Tài sản ngắn hạn	165	166	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	0.04	0.05	-10.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	145	145	-0.3%
Hàng tồn kho	20.3	20.3	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.02	50.0%
Tài sản dài hạn	**11.7**	**11.8**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.22	0.34	-34.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	11.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-21.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.9	10.7	1.1%
Nợ ngắn hạn	**10.9**	**10.7**	**1.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.44	7.44	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**166**	**167**	**-0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**166**	**167**	**-0.4%**
Vốn điều lệ	171	171	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	16.7	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	-16.7	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.13	0.09	0.09	0.13	0.12
LN thuần từ HĐKD	-16.8	-0.09	-0.09	-0.13	-0.12
Lợi nhuận khác	-0.22	-0.09	-0.07	-0.07	-0.06
LN trước thuế	-17.1	-0.18	-0.16	-0.21	-0.18
Lợi nhuận sau thuế	-17.1	-0.18	-0.16	-0.21	-0.18
LNST của CĐ cty mẹ	-17.1	-0.18	-0.16	-0.21	-0.18

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
Lưu chuyển tiền thuần	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.05	0.05	0.05	0.05	0.04

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic